

Số: 2038 /BKH-KTĐN

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2008

V/v Báo cáo về việc thực hiện
chế độ báo cáo các chương trình,
dự án ODA

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91.

Thực hiện Điều 36 Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về báo cáo thực hiện chương trình, dự án ODA và Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA, ngày 25 tháng 12 năm 2007 Bộ Kế hoạch và Đầu tư có công văn số 9437/BKH-KTĐN đề nghị các Bộ, ngành và địa phương gửi báo cáo tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA năm 2007. Dưới đây là báo cáo việc thực hiện chế độ báo cáo các chương trình, dự án ODA cả năm 2007:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Đối với các báo cáo ở cấp cơ quan chủ quản:

a) Về số lượng báo cáo: Đến nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo tổng hợp tình hình thu hút và thực hiện các chương trình, dự án ODA cả năm 2007 của 71 cơ quan chủ quản (18 Bộ, ngành Trung ương, 10 tập đoàn kinh tế-Tổng công ty 91 và 43/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), chiếm khoảng 60% số cơ quan chủ quản có chương trình, dự án ODA (xem Phụ lục 1 kèm theo).

b) Về hình thức gửi báo cáo: Trong số 71 báo cáo có 68 báo cáo gửi bằng văn bản (8 báo cáo gửi cả bằng văn bản và thư điện tử), 03 báo cáo chỉ gửi thuần

túp bằng thư điện tử (*Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao Trung ương và UBND tỉnh Điện Biên*).

c) Về tuân thủ mẫu báo cáo (theo mẫu báo cáo Phụ lục 4 tại Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH): 54 cơ quan chủ quản lập báo cáo về cơ bản theo mẫu quy định (14 Bộ, ngành Trung ương và 40 địa phương) bao gồm công văn giải trình và các biểu phụ đính; 12 cơ quan chủ quản lập báo cáo chưa theo đúng mẫu (9 Bộ, ngành Trung ương và 3 địa phương) và 6 cơ quan chủ quản (các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91) không lập báo cáo do không có dự án ODA.

d) Về mức độ đáp ứng thông tin của các báo cáo:

Về cơ bản báo cáo của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố có số liệu giải ngân khá đầy đủ về các chương trình, dự án ODA do các cơ quan mình trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, một số địa phương trong báo cáo đã gộp cả các tiểu dự án, dự án thành phần thực hiện trên địa bàn và vì vậy số liệu giải ngân thường cao hơn so với thực tế. Theo quy định hiện hành, các tiểu dự án, dự án thành phần phải gửi báo cáo lên cho Chủ chương trình, dự án ô do các Bộ, ngành Trung ương quản lý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính nhằm tránh trùng lặp về số liệu. Mức độ đáp ứng thông tin của các báo cáo cụ thể như sau:

46 báo cáo (13 Bộ, ngành Trung ương và 33 địa phương), chiếm 69,70% tổng số báo cáo, về cơ bản đáp ứng đủ nội dung, thông tin (tình hình thực hiện, giải ngân, có số liệu kèm theo biểu phụ đính, có nêu vướng mắc và các khuyến nghị). Những cơ quan chủ quản có báo cáo tương đối tốt (có các thông tin về chuẩn bị, phê duyệt, ký kết dự án, tình hình thực hiện giải ngân, đánh giá và xếp hạng dự án, các vướng mắc, khuyến nghị...) gồm Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, thành phố Cần Thơ, Hà Nội, Hồ Chí Minh, tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Phước, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bắc Ninh, Cao Bằng, Yên Bái, Hà Giang, Lai Châu, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình.

20 báo cáo (10 Bộ, ngành Trung ương và 10 địa phương) có nội dung sơ sài, thiếu số liệu, không có biểu phụ đính.

2. Đối với các báo cáo ở cấp chủ dự án:

a) Về số lượng báo cáo: Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo của 41 chủ dự án về tình hình thực hiện của 99 chương trình, dự án, tiểu dự án ODA Quý IV và cả năm 2007 (xem Phụ lục 2 kèm theo), trong đó:

Một số Bộ, ngành và địa phương tiếp nhận và quản lý nhiều dự án ODA song chỉ có một số chủ dự án có báo cáo, chẳng hạn:

- Các Bộ, ngành Trung ương: Bộ Tài chính có số dự án gửi báo cáo nhiều nhất (15 dự án báo cáo; trong đó 9 dự án báo cáo đúng mẫu). Bộ Giao thông vận tải chỉ có 01 dự án báo cáo. Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ có 01 chủ dự án (CPO Thủy lợi) báo cáo thực hiện tháng 01/2008 của 6 dự án (dự án nhóm A) song không đúng mẫu, thông tin sơ sài. Bộ Y tế có 2 dự án báo cáo (01 dự án báo cáo không đúng mẫu). Bộ Giáo dục và Đào tạo không có dự án nào báo cáo.

- Các địa phương có nhiều dự án gửi báo cáo là: Quảng Trị có 8 dự án, tiểu dự án báo cáo; Hải Dương có 3 dự án báo cáo; Sơn La có 3 dự án báo cáo; Bà Rịa - Vũng Tàu có 3 dự án báo cáo; thành phố Hồ Chí Minh có 2 dự án báo cáo; Bắc Ninh có 2 dự án báo cáo; Quảng Ngãi có 2 dự án báo cáo. Nhiều địa phương không có dự án gửi báo cáo (Nghệ An, Quảng Nam, Hải Phòng, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái, ...).

Một trong những nguyên nhân là do đây là lần đầu tiên các chủ chương trình, dự án ODA lập báo cáo theo mẫu biểu mới quy định tại Quyết định 803/2007/QĐ-BKH nên quá trình cập nhật thông tin, phân tích dữ liệu có phần khó khăn và chưa vào nề nếp.

b) Về hình thức gửi báo cáo: 6 dự án gửi Báo cáo đúng quy định (cả bằng văn bản và thư điện tử), 41 dự án chỉ gửi bằng văn bản (CPO Thủy lợi gửi 01 báo cáo chung cho 6 dự án, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam gửi 01 báo cáo chung cho 15 dự án) và 34 dự án chỉ gửi bằng thư điện tử.

c) Về tuân thủ mẫu báo cáo: 41 Báo cáo Quý IV/ 2007 lập theo mẫu quy định (mẫu báo cáo Phụ lục 1- Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH), 52 Báo cáo không theo mẫu quy định hoặc sai mẫu (11 dự án lập báo cáo theo mẫu báo cáo quý/năm của cơ quan chủ quản). Có 6 dự án ODA Nhóm A gửi Báo cáo thực hiện tháng 01 năm 2008, nhưng không theo đúng mẫu biểu quy định.

d) Về mức độ đáp ứng thông tin:

- 15 Báo cáo theo mẫu quy định (có sử dụng công cụ theo dõi dự án AMT để lập báo cáo) đáp ứng được yêu cầu về thông tin thực hiện dự án; đồng thời là nguồn đầu vào để sử dụng công cụ theo dõi danh mục dự án (PMT) ở cấp cơ quan chủ quản và sử dụng công cụ danh mục quốc gia (NMT) tại cơ quan quản lý nhà nước về ODA (Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính).

- 16 Báo cáo theo mẫu quy định (không sử dụng công cụ AMT để lập báo cáo): báo cáo chủ yếu ở dạng văn bản, thiếu nhiều biểu, chưa đáp ứng yêu cầu về nội dung và thông tin tổng hợp về tình hình thực hiện dự án (chủ yếu có báo cáo về giải ngân vốn ODA và vốn đối ứng thông qua biểu giải ngân).

- 68 Báo cáo không theo mẫu (trong đó có 11 Báo cáo sử dụng mẫu báo cáo của cơ quan chủ quản) không đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin như Chế độ báo cáo đã quy định.

II. CÁC KIẾN NGHỊ:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo ODA của các cấp và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện công tác này. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan chủ quản và các chủ dự án chấp hành nghiêm chỉnh Chế độ báo cáo ODA quy định tại Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH.

Đối với các cơ quan chủ quản và các chủ chương trình, dự án ODA chưa gửi Báo cáo Quý IV và cả năm 2007, cũng như các cơ quan chủ quản, chủ dự án đã gửi Báo cáo nhưng không đúng mẫu quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan này gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 4 năm 2008.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các cơ quan chủ quản chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác theo dõi thực hiện các chương trình, dự án ODA của các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực hiện kế hoạch tiến độ và giải ngân vốn ODA và vốn đối ứng của các dự án; đồng thời thực hiện tốt chế độ báo cáo ODA, hoàn thành lập và gửi báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA Quý I năm 2008 của cơ quan chủ quản trước ngày 30 tháng 4 năm 2008. Đồng thời, đề nghị các cơ quan chủ quản đôn đốc các chủ dự án và các Ban quản lý các chương trình, dự án ODA trực thuộc lập và gửi Báo cáo tình hình thực hiện dự án ODA Quý I năm 2008 và Báo cáo tháng (đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình, dự án đầu tư tương đương nhóm A) theo đúng mẫu và đúng thời gian quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (Vụ QHQT);
- Bộ Tài chính;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KTDN, C. *232*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phụ lục 1 Tổng hợp các báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA năm 2007 của các Cơ quan chủ quản

(Theo mẫu báo cáo Phụ lục 4 - Quyết định 803/2007/QĐ-BKH)

| STT | Tên Cơ quan chủ quản | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Nhận xét | | | | Ghi chú |
|---------------------------|---|-----------------------|-----------------------|---------|----------|--------------|---------------|-------------------|---------------------------|
| | | | Email | Văn bản | Đúng mẫu | Đủ thông tin | Chưa đúng mẫu | Chưa đủ thông tin | |
| I. CÁC BỘ NGÀNH TW | | | | | | | | | |
| 1 | Bộ Giao thông Vận tải | trước 31/1/2008 | | x | x | x | | | |
| 2 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | trước 31/1/2008 | | x | | | | | Không có dự án ODA |
| 3 | Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy VN | trước 31/1/08 | x | x | | | x | x | |
| 4 | Tổng công ty Hàng không Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 5 | Bộ Nông nghiệp và PTNT | sau 31/1/08 | x | x | | | x | x | Thiếu thông tin giai đoạn |
| 6 | Bộ Quốc phòng | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 7 | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 8 | Tập đoàn Dầu khí Việt nam | trước 31/1/08 | | x | | | | | Không có dự án ODA |
| 9 | Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | | | | | Không có dự án ODA |
| 10 | Tổng công ty Giấy Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | | | | | Không có dự án ODA |
| 11 | Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | | | | | Không có dự án ODA |
| 12 | Bộ Nội vụ | trước 31/1/08 | | x | | | x | x | |
| 13 | Bộ Xây dựng | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 14 | Văn phòng Quốc hội | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 15 | Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | trước 31/1/08 | x | | x | x | | | |
| 16 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao | trước 31/1/08 | x | | | | x | x | Có phụ lục |
| 17 | Tập đoàn Dệt may Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | | | x | x | Không có phụ lục |
| 18 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | trước 31/1/08 | | x | | | x | x | Không có phụ lục |
| 19 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 20 | Bộ Ngoại giao | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 21 | Bộ Khoa học và Công nghệ | trước 31/1/08 | x | x | | | x | x | |
| 22 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 23 | Ngân hàng Phát triển Việt Nam | trước 31/1/08 | | x | | x | x | | Có phụ lục |

| STT | Tên Cơ quan chủ quản | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Nhận xét | | | | Ghi chú | |
|--------------------------------|--|-----------------------|-----------------------|---------|----------|--------------|---------------|-------------------|---------|------------------------|
| | | | Email | Vấn bản | Đúng mẫu | Đủ thông tin | Chưa đúng mẫu | Chưa đủ thông tin | | |
| 24 | Bộ Tư pháp | trước 31/1/08 | | x | | | | x | x | |
| 25 | Kiểm toán Nhà nước | trước 31/1/08 | x | x | x | x | | | | |
| 26 | Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh | trước 31/1/08 | | x | x | | | | x | Không có phụ lục |
| 27 | Ủy ban Dân tộc | trước 31/1/08 | | x | x | | | | x | Không có phụ lục |
| 28 | Bộ LĐTB&XH | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| Tổng cộng | | | 6 | 26 | 14 | 13 | | 9 | 10 | |
| II. CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ | | | | | | | | | | |
| 29 | UBND tỉnh Cao Bằng | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 30 | UBND tỉnh Lạng Sơn | trước 31/1/08 | | x | x | | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 31 | UBND tỉnh Hà Giang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 32 | UBND tỉnh Quảng Ngãi | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 33 | UBND tỉnh Vĩnh Long | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 34 | UBND tỉnh Thái Nguyên | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 35 | UBND tỉnh Bắc Giang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 36 | UBND tỉnh Nghệ An | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 37 | UBND tỉnh Hậu Giang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 38 | UBND tỉnh Quảng Nam | trước 31/1/08 | x | x | x | x | | | | |
| 39 | UBND TP Hồ Chí Minh | trước 31/1/08 | x | x | x | x | | | | |
| 40 | UBND tỉnh Bình Phước | sau 31/1/08 | | x | x | | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 41 | UBND tỉnh Vĩnh Phúc | trước 31/1/08 | | x | | | | x | x | |
| 42 | UBND tỉnh Tuyên Quang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 43 | UBND tỉnh Lào Cai | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 44 | UBND tỉnh Thanh Hoá | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 45 | UBND tỉnh Hải Dương | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 46 | UBND tỉnh Cà Mau | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 47 | UBND tỉnh Sóc Trăng | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 48 | UBND tỉnh Bắc Ninh | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 49 | UBND tỉnh Kiên Giang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 50 | UBND tỉnh Tiền Giang | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 51 | UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 52 | UBND tỉnh Hà Tây | trước 31/1/08 | | x | | | | x | x | Không có phụ lục |
| 53 | UBND tỉnh Ninh Thuận | trước 31/1/08 | | x | x | | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 54 | UBND thành phố Hà Nội | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |
| 55 | UBND tỉnh Bình Định | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | | |

| STT | Tên Cơ quan chủ quản | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Nhận xét | | | | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------------------|-----------------------|---------|----------|--------------|---------------|-------------------|------------------------|
| | | | Email | Văn bản | Đúng mẫu | Đủ thông tin | Chưa đúng mẫu | Chưa đủ thông tin | |
| 56 | UBND tỉnh Hưng Yên | trước 31/1/08 | | x | x | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 57 | UBND tỉnh Quảng Nam | trước 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 58 | UBND tỉnh Yên Bái | trước 31/1/08 | | x | x | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 59 | UBND Thành phố Hải Phòng | sau 31/1/08 | | x | x | | | x | Không có phụ lục |
| 60 | UBND tỉnh Đắk Lắk | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 61 | UBND tỉnh Quảng Trị | sau 31/1/08 | | x | x | | | x | Có thông tin giải ngân |
| 62 | UBND thành phố Cần Thơ | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 63 | UBND tỉnh Đắk Nông | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 64 | UBND tỉnh Bạc Liêu | sau 31/1/08 | | x | | | x | x | |
| 65 | UBND tỉnh Quảng Bình | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 66 | UBND tỉnh Bến Tre | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | |
| 67 | UBND tỉnh Ninh Bình | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | Sở KH&ĐT b/cáo |
| 68 | UBND tỉnh Cà Mau | trước 31/1/08 | x | x | x | x | | | |
| 69 | UBND tỉnh Điện Biên | trước 31/1/08 | x | | x | x | | | |
| 70 | UBND tỉnh Lai Châu | trước 31/1/08 | x | x | x | x | | | |
| 71 | UBND tỉnh Phú Yên | sau 31/1/08 | | x | x | x | | | Sở KH&ĐT b/cáo |

Phụ lục 2 Tổng hợp tình hình gửi báo cáo thực hiện các chương trình, dự án ODA Quý IV /2007 của các chủ dự án ODA

(Theo mẫu báo cáo Phụ lục 1 - Quyết định 803/2007/QĐ-BKH)

| STT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Tên Cơ quan chủ quản | Tên Chủ dự án | Đơn vị gửi báo cáo | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Sử dụng AMT để lập và gửi báo cáo | |
|-----|--|-------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|-----------------------------------|------------------|
| | | | | | | | Email | Văn bản | Có sử dụng AMT | Chưa sử dụng AMT |
| 1 | Dầu tư xây dựng Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Bắc Ninh giai đoạn 2003-2010 | KfW | UBND Bắc Ninh | Công ty CTN Bắc Ninh | Công ty CTN Bắc Ninh | trước 23/1/08 | x | | x | |
| 2 | Dự án cấp nước thi điểm thị trấn Lim huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh | WB | UBND Bắc Ninh | Công ty CTN Bắc Ninh | Công ty CTN Bắc Ninh | trước 23/1/08 | x | | x | |
| 3 | Dự án Xây dựng Đại lộ Đông Tây TP HCM | JBIC | UBND TP HCM | UBND TP HCM | BQLDA | trước 23/1/08 | x | x | x | |
| 4 | DA Giảm nghèo Khu vực miền Trung | ADB, DFID | Bộ KH&ĐT | Bộ KH&ĐT | Ban QLDA TƯ | sau 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 5 | Tập huấn về đấu thầu và soạn thảo tài liệu đấu thầu | AusAID | Bộ KH&ĐT | Vụ QLDT | Vụ QLDT | trước 23/1/08 | x | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 6 | Dự án Đào tạo đấu thầu | LMDG | Bộ KH&ĐT | Vụ QLDT | Vụ QLDT | trước 23/1/08 | x | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 7 | Tăng cường năng lực thực hiện, giám sát và đánh giá hoạt động đấu thầu | WB | Bộ KH&ĐT | Vụ QLDT | Vụ QLDT | trước 23/1/08 | x | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 8 | Dự án Nâng cấp cải tạo mạng lưới đường bộ - | WB | Bộ GTVT | Cục Đường bộ | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | x | |
| 9 | Dự án Nâng cấp đô thị thành phố Hồ Chí Minh | WB | UBND TP HCM | UBND TP HCM | BQLDA | trước 31/1/08 | x | x | x | |
| 10 | Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên | ADB | Bộ Y Tế | Bộ Y Tế | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | x | |
| 11 | Dự án trồng rừng JBIC tỉnh Quảng Ngãi | JBIC | UBND Q.Ngãi | Sở NN&PTNT Q.Ngãi | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | x | |
| 12 | Chương trình hỗ trợ ngành Thủy sản II - Tiểu dự án Quảng Ninh | DANIDA | Bộ NN&PTNT | | BQL tiểu dự án | | x | | Tiểu DA | |
| 13 | Dự án Nâng lương nông thôn II tỉnh Quảng Ngãi (phần hạ áp) | WB | UBND Q.Ngãi | UBND Q.Ngãi | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | Tiểu DA | |
| 14 | Khắc phục thiên tai của Quảng Trị | Phản Lan | UBND Q. Trị | Sở KH&ĐT Q. Trị | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | | Không dùng AMT |
| 15 | Chùa sè của Quảng Trị | Thụy Điển | UBND Q. Trị | Sở KH&ĐT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | Tiểu DA | Không dùng AMT |
| 16 | Hồ chứa nước Thác Hèo | JBIC | UBND Q. Trị | Sở NN&PTNT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | | Dùng AMT cũ |

| STT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Tên Cơ quan chủ quản | Tên Chủ dự án | Đơn vị gửi báo cáo | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Sử dụng AMT để lập và gửi báo cáo | |
|-----|---|-------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------|---|------------------|
| | | | | | | | Email | Văn bản | Có sử dụng AMT | Chưa sử dụng AMT |
| 17 | Trồng rừng JBIC của Quảng Trị | JBIC | UBND Q. Trị | Sở NNPTNT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | Tiểu DA | Dùng AMT cũ |
| 18 | Cải thiện MT miền Trung - Đông Hà | ADB, AFD | UBND Q. Trị | UBND T. xã Đông Hà | BQLDA | trước 31/1/08 | x | | | Dùng AMT cũ |
| 19 | Thuỷ lợi Nam Thạch Hãn | ADB | UBND Q. Trị | Sở NNPTNT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | Tiểu DA | Dùng AMT cũ |
| 20 | Hồ chứa nước Hà Thượng | WB | UBND Q. Trị | Sở NNPTNT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | Tiểu DA | Dùng AMT cũ |
| 21 | Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Trị, giai đoạn III | Phân Lan | UBND Q. Trị | Sở KH&ĐT Q. Trị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, thiếu số liệu giải ngân | |
| 22 | Hệ thống cấp nước thành phố Hải Dương giai đoạn 2006 - 2010 | Hà Lan | UBND Hải Dương | CT KDNS Hải Dương | Chủ dự án | trước 31/1/08 | x | x | Văn bản | Theo mẫu biểu |
| 23 | Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt Hải Dương | Tây Ban Nha | UBND Hải Dương | CT MT&T HD | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Văn bản | Theo mẫu biểu |
| 24 | Cải tạo hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hải Dương | KfW | UBND Hải Dương | CT KDNS Hải Dương | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Văn bản | Theo mẫu biểu |
| 25 | Thu gom và xử lý nước thải thị xã Bà Rịa | Thụy Sĩ | UBND BR VT | Công ty thoát nước đô thị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 26 | Thu gom, xử lý và thoát nước đô thị mới Phú Mỹ huyện Tân Thành | Hà Lan | UBND BR VT | Công ty thoát nước đô thị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 27 | Thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng Tàu | Pháp | UBND BR VT | Công ty thoát nước đô thị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Văn bản | Văn bản mẫu |
| 28 | Cải thiện Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang | WB | UBND K. Hoà | UBND Khánh Hoà | BQLDA | trước 31/1/08 | | x | | Văn bản mẫu |
| 29 | Dự án cấp nước Yên Châu | Italia | UBND tỉnh Sơn La | Công ty cấp nước Sơn La | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 30 | Thoát nước và VSMT thành phố Buôn Ma Thuột | DANIDA | UBND Đ. Lắk | Công ty QLĐT&VSMT TP BMT | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 31 | Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên (VIE 017) | Luxembourg | UBND Hưng Yên | Sở Y tế Hưng Yên | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 32 | Hệ thống Giám sát Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường tại Việt Nam | Pháp | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Trung tâm Viễn thám | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | |
| 33 | Cải cách quản lý tài chính công | WB, DFID | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | AMT phiên bản cũ | |
| 34 | Nâng cao năng lực đào tạo tài chính công và thống kê kinh tế | Pháp | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, có số liệu Q4 | |
| 35 | Phát triển bảo hiểm nông nghiệp | ADB | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, chỉ có biểu 1 và 2 | |

| STT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Tên Cơ quan chủ quản | Tên Chủ dự án | Đơn vị gửi báo cáo | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Sử dụng AMT để lập và gửi báo cáo | |
|-----|---|-------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------|---|------------------|
| | | | | | | | Email | Văn bản | Có sử dụng AMT | Chưa sử dụng AMT |
| 36 | ETV 2 | EU | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo (mẫu CQCQ) | |
| 37 | Hỗ trợ xây dựng và ban hành Luật Quản lý sử dụng TSNN | AusAID | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo (mẫu CQCQ) | |
| 38 | VIE 2007 | UNDP | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo (mẫu CQCQ) | |
| 39 | Tiểu dự án Chia Sẻ - Bộ Tài chính | Thụy Điển | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng | TDA |
| 40 | Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị DA Quỹ đầu tư phát triển địa phương | WB | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, có số liệu Q4 | |
| 41 | Hệ thống thông tin thông kê tài chính Việt Nam | USTDA | Bộ Tài chính | Cục Tin học và Thống kê | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, có số liệu Q4 | |
| 42 | Tăng cường năng lực cán bộ hải quan | JICA | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo | |
| 43 | Dự án phát triển năng lực NS giới | CIDA | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo | |
| 44 | Dự án Cải cách hành chính thuế | JICA | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, thiếu số liệu giải ngân | |
| 45 | Dự án Hiện đại hoá hải quan | WB | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo | |
| 46 | Trung tâm Đào tạo Bảo hiểm Việt Nam | AFD | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, có số liệu Q4 | |
| 47 | Xây dựng mô hình Kinh tế lượng phân tích, đánh giá tác động của Luật thuế thu nhập cá nhân ở VN | DANIDA | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Tài chính | trước 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, có số liệu Q4 | |
| 48 | Hỗ trợ Thu lợi Việt Nam - Tiểu dự án Quảng Ninh | WB | Bộ NN&PTNT | Bộ NN&PTNT | BQL tiểu dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | TDA |
| 49 | Mở rộng mạng đài phát sóng chuyên tiếp chương trình truyền hình quốc gia giai đoạn II | Tây Ban Nha | Đài Truyền hình Việt Nam | Ban QLDA mạng PHQG | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo (mẫu CQCQ) | |
| 50 | Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam - tiểu dự án Thành phố Hà Nội | WB | UBND Hà Nội | Sở Bưu chính Viễn thông | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Đúng mẫu, thiếu nhiều biểu | TDA |
| 51 | Dự án Y tế nông thôn | ADB | Bộ Y tế | Bộ Y Tế | BQL dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 52 | Tài chính nông thôn II | WB | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHỆT&PTVN | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 53 | Khu xử lý chất thải rắn thị xã Sơn La | Na uy | UBND tỉnh Sơn La | Công ty Môi trường đô thị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | x |
| 54 | Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Sơn La | Đức | UBND tỉnh Sơn La | Công ty Môi trường đô thị | Chủ dự án | trước 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | x |

| STT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Tên Cơ quan chủ quản | Tên Chủ dự án | Đơn vị gửi báo cáo | Thời gian gửi báo cáo | Hình thức gửi báo cáo | | Sử dụng AMT để lập và gửi báo cáo | |
|-----|--|----------------------------|----------------------|------------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------|---|--------------------------------|
| | | | | | | | Email | Văn bản | Có sử dụng AMT | Chưa sử dụng AMT |
| 55 | 7 dự án do Bộ tư pháp là CQCQ | Pháp, Thụy Điển, Hà Lan... | Bộ Tư Pháp | Các Vụ, Cục, TĐH Luật | Các Ban QLDA | trước 31/1/08 | | 7 dự án | Sai mẫu báo cáo (mẫu CQCQ) | |
| 56 | Chương trình Hỗ trợ thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi (ISP) | AusAID | UBND tỉnh Quảng Ngãi | Sở KH&ĐT Q.Ngãi | BQLDA | sau 31/1/08 | x | | Đúng định dạng, thiếu số liệu giải ngân | |
| 57 | Hỗ trợ Thủy lợi VN - Tiểu dự án HĐH Hệ thống Thủy lợi Dầu Tiếng | WB | Bộ NN&PTNT | BỘ NN&PTNT | BQL tiểu dự án | sau 31/1/08 | x | | Sai mẫu báo cáo | TDA |
| 58 | CPO Thủy lợi, Bộ NNPTNT (B/cáo Tháng 01/2008 của 6 dự án nhóm A) | ADB, WB | BỘ NN&PTNT | CPO Thủy lợi | CPO Thủy lợi | sau 31/1/08 | | x | Sai mẫu báo cáo | B/C Tháng 1/08 của 6 DA nhóm A |
| 59 | Chương trình quy hoạch môi trường đô thị Việt Nam | EC | Bộ Xây dựng | Bộ Xây dựng | Ban QLDA | sau 31/1/08 | | x | Sai mẫu (CQCQ) | |
| 60 | Nâng cấp đô thị Cần Thơ | WB | UBND TP CT | Chủ dự án | Sở KH&ĐT | Tháng 3/2008 | x | | x | |
| 61 | Thoát nước và xử lý nước thải CT | KfW | UBND TP CT | Chủ dự án | Sở KH&ĐT | Tháng 3/2008 | x | | x | |
| 62 | Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (PECSME) | GEF/UNDP | Bộ KH&CN | Vụ KHCH& các ngành KT-KT | BQLDA | Tháng 01/2008 | | x | Sai mẫu | |
| 63 | Cục Sở hữu trí tuệ/Bộ KH&CN | | Bộ KH&CN | Cục SHTT | Cục SHTT | Tháng 01/2008 | | 4 dự án | Sai mẫu (CQCQ) | |
| 64 | Dự án Ấn Độ | Ấn Độ | Bộ KH&CN | Chủ dự án | BQLDA | Tháng 01/2008 | | x | Sai mẫu | |
| 65 | 4 dự án | Pháp, EU,... | Bộ KH&CN | Tổng cục Tiêu chuẩn ĐLCL | Tổng cục TCĐLCL | Tháng 01/2008 | | x | Sai mẫu | |
| 66 | 15 dự án | UNDP, JICA | Bộ KH&CN | Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam | Viện NLNTVN | Tháng 01/2008 | | x | Sai mẫu (chỉ có biểu giải ngân) | |

09642765